

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH TỪ NGÀY 01 THÁNG 02 ĐẾN NGÀY 30
THÁNG 06 NĂM 2015**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015	12 - 24
7. Phụ lục số 1 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	25 - 26

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Công trình đô thị Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre tiền thân là doanh nghiệp nhà nước, được cổ phần hoá và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300113091 (số cũ 5504000011) đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, thay đổi lần thứ nhất ngày 09 tháng 03 năm 2010. Theo quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2014 và quyết định điều chỉnh số 2701/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre Công ty đã thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp và tiến hành cổ phần hóa. Ngày 29 tháng 01 năm 2015 Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là công ty cổ phần và thay đổi lần 3 ngày 15 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng (ba mươi sáu tỷ đồng).

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre .
Điện thoại : +84 (75) 3826 358
Fax : +84 (75) 3817 770
Mã số thuế: 1 3 0 0 1 1 3 0 9 1

3. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Tái chế phế liệu phi kim loại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất thải khác;
- Xây dựng nhà dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Triệu	Chủ tịch	23/01/2015	
Ông Nguyễn Đình Huân	Thành viên	23/01/2015	26/06/2015
Ông Nguyễn Tấn Vũ	Thành viên	23/01/2015	
Ông Lê Văn Vũ	Thành viên	23/01/2015	
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	23/01/2015	
Ông Ngô Trung Kiên	Thành viên	26/06/2015	

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm An Huy	Trưởng ban	23/01/2015	
Ông Tăng Văn Đồng	Thành viên	23/01/2015	
Bà Đoàn Thị Thanh	Thành viên	23/01/2015	

4.3. Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Huỳnh Văn Lâm	Tổng Giám đốc	01/02/2015	19/05/2015
Ông Nguyễn Ngọc Triệu	Tổng Giám Đốc	19/05/2015	30/06/2015
Ông Ngô Trung Kiên	Tổng Giám đốc	01/07/2015	
Ông Nguyễn Đình Huân	Phó Tổng Giám đốc	01/02/2015	26/06/2015
Ông Nguyễn Tấn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	01/02/2015	
Bà Trần Thị Vân Nghi	Quyền Kế toán trưởng	01/02/2015	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Huỳnh Văn Lâm	Tổng Giám Đốc	01/02/2015	19/05/2015
Ông Nguyễn Ngọc Triệu	Tổng Giám Đốc	19/05/2015	30/06/2015
Ông Ngô Trung Kiên	Tổng Giám đốc	01/07/2015	

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty CP Công trình đô thị Bến Tre cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 26.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ngày 15 tháng 07 năm 2015, Công ty thực hiện thay đổi Giấy đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần thứ 03, về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



NGUYỄN NGỌC TRIỆU
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bến Tre, ngày 27 tháng 08 năm 2015.

126
CÔNG
NHIỆM
JÁN
JÁN
P. H

Số: 2412/15/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH** **CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 02 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2015**

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến 30 tháng 06 năm 2015 được lập ngày 27 tháng 08 năm 2015 (từ trang 08 đến trang 26) của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty").

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2015.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKH số: 1512-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp - Kiểm toán viên
Giấy CNDKH số: 2141-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		31.117.568.021	33.224.455.323
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	1.959.916.057	2.590.405.877
111	1. Tiền		1.959.916.057	2.590.405.877
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		28.074.455.007	24.919.022.955
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	27.794.186.407	24.510.014.268
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		280.268.600	409.008.687
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.3	845.809.599	5.317.805.845
141	1. Hàng tồn kho		845.809.599	5.317.805.845
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		237.387.358	397.220.646
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.4a	237.387.358	397.220.646
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		17.016.035.172	18.184.461.906
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		9.602.527.408	10.662.457.361
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.5	9.602.527.408	10.662.457.361
222	- Nguyên giá		17.435.491.368	17.435.491.368
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.832.963.960)	(6.773.034.007)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.413.507.764	7.522.004.545
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.4b	7.413.507.764	7.522.004.545
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		48.133.603.193	51.408.917.229

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

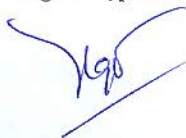
Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.879.314.293	12.599.529.544
310	I. Nợ ngắn hạn		7.879.314.293	12.599.529.544
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.6	1.939.767.264	3.479.812.636
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6.644.000	42.152.860
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.7	844.177.320	810.281.193
314	4. Phải trả người lao động	V.8	2.398.917.356	4.755.435.058
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		703.369.237	72.050.624
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	49.633.500
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.9	991.635.576	748.059.116
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.10	994.803.540	2.642.104.557
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		40.254.288.900	38.809.387.685
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.11	39.663.701.900	38.218.800.685
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		36.000.000.000	36.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		36.000.000.000	36.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		2.218.800.685	2.218.800.685
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.444.901.215	-
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.444.901.215	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		590.587.000	590.587.000
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		590.587.000	590.587.000,0
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		48.133.603.193	51.408.917.229

Người lập biểu



Lê Thị Ngọc Lan

Q. Kế toán trưởng



Trần Thị Vân Nghi



Bến Tre, ngày 27 tháng 08 năm 2015.

Tổng Giám đốc

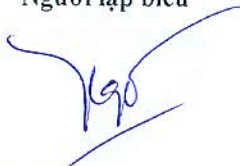
Ngô Trung Kiên

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ tháng 02 đến tháng 06 năm 2015	Tháng 01 năm 2014 đến tháng 01 năm 2015
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	21.738.325.695	65.288.339.337
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	57.143.281
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.738.325.695	65.231.196.056
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	18.244.520.592	53.520.021.538
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.493.805.103	11.711.174.518
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	10.481.947	28.756.472
22	7. Chi phí tài chính		930.576	9.120.670
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	1.722.831.568	4.743.918.843
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.780.524.906	6.986.891.477
31	11. Thu nhập khác	VI.5	132.199.728	1.028.508.416
32	12. Chi phí khác	VI.6	60.024.709	625.885.863
40	13. Lợi nhuận khác		72.175.019	402.622.553
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.852.699.925	7.389.514.030
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		407.798.710	1.662.420.319
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.444.901.215	5.727.093.711

Người lập biểu



Lê Thị Ngọc Lan

Q. Kế toán trưởng



Trần Thị Vân Nghi



Bến Tre, ngày 27 tháng 08 năm 2015.

Tổng Giám đốc



Ngô Trung Kiên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ tháng 02 đến tháng 06 năm 2015	Tháng 01 năm 2014 đến tháng 01 năm 2015
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		18.887.758.251	69.708.155.354
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(9.277.645.176)	(37.143.769.476)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(7.890.798.229)	(19.750.988.282)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(95.358.880)	(2.563.409.920)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.653.038.952	24.310.191.021
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.917.966.685)	(33.326.425.835)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(640.971.767)</i>	<i>1.233.752.862</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			(417.171.071)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.481.947	28.756.472
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>10.481.947</i>	<i>(388.414.599)</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(630.489.820)	845.338.263
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.590.405.877	1.745.067.614
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	1.959.916.057	2.590.405.877

Người lập biểu



Lê Thị Ngọc Lan

Q. Kế toán trưởng



Trần Thị Vân Nghi



Ngô Trung Kiên

Bến Tre, ngày 27 tháng 08 năm 2015.

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình đô thị Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Tái chế phế liệu phi kim loại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất thải khác;
- Xây dựng nhà dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 174 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến 30 tháng 06 năm 2015.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: theo nguyên tắc giá gốc;
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Theo phương pháp thực tế đích danh;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên;
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: vào thời điểm khóa sổ Công ty tổ chức đánh giá lại hàng tồn kho và trích lập trên cơ sở chênh lệch lớn hơn của giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định lại theo biên bản xác định lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm thay đổi loại hình doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 -20
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây lắp được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu xây lắp được ghi nhận căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoặc biên bản bàn giao khối lượng công việc hoàn thành và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của tài sản phục vụ việc cung cấp các dịch vụ công ích, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

12. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính.

13. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 22%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Tiền mặt	469.051.151	211.788.934
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.490.864.906	2.378.616.943
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>1.959.916.057</u>	<u>2.590.405.877</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Sở xây dựng tỉnh Bến Tre	2.393.567.000	-
- Ban Quản lý dự án CTGT Long An	973.120.278	1.973.120.278
- Phòng quản lý đô thị Thành phố Bến Tre	13.033.163.905	9.462.832.910
- Ban Quản lý dự án đầu tư Thành phố Bến Tre	493.141.000	1.667.677.000
- Phòng kinh tế hạ tầng huyện Bình Đại	70.280.000	705.725.000
- Ban Quản lý đầu tư xây dựng huyện Chợ Lách	2.415.295.000	2.960.295.000
- Phải thu các khách hàng khác	8.415.619.224	7.740.364.080
Cộng	<u>27.794.186.407</u>	<u>24.510.014.268</u>

3. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
- Công cụ, dụng cụ	320.454.628	-	332.299.624	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	478.466.694	-	4.938.617.944	-
- Hàng hóa ^(*)	46.888.277	-	46.888.277	-
Cộng	<u>845.809.599</u>	<u>-</u>	<u>5.317.805.845</u>	<u>-</u>

(*) Hàng hóa là bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**4a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	237.387.358	397.220.646
Cộng	<u>237.387.358</u>	<u>397.220.646</u>

4b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Lợi thế kinh doanh	6.783.942.690	6.783.942.690
- Chi phí trả trước dài hạn khác	629.565.074	738.061.855
Cộng	<u>7.413.507.764</u>	<u>7.522.004.545</u>

5. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	5.659.141.338	2.243.785.722	9.456.452.313	76.111.995	17.435.491.368
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>5.659.141.338</u>	<u>2.243.785.722</u>	<u>9.456.452.313</u>	<u>76.111.995</u>	<u>17.435.491.368</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	58.900.000	-	76.111.995	135.011.995
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	1.594.641.622	374.709.718	4.753.406.465	50.276.202	6.773.034.007
Khấu hao trong kỳ	240.674.155	84.946.524	708.473.481	25.835.793	1.059.929.953
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>1.835.315.777</u>	<u>459.656.242</u>	<u>5.461.879.946</u>	<u>76.111.995</u>	<u>7.832.963.960</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	4.064.499.716	1.869.076.004	4.703.045.848	25.835.793	10.662.457.361
Số cuối kỳ	<u>3.823.825.561</u>	<u>1.784.129.480</u>	<u>3.994.572.367</u>	<u>-</u>	<u>9.602.527.408</u>

6. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Công ty CP Đô thị Tân An	1.169.725.264	2.099.725.264
- DNTN Xây dựng Hồng Minh	770.042.000	1.170.042.000
- Các nhà cung cấp khác	-	210.045.372
Cộng	<u>1.939.767.264</u>	<u>3.479.812.636</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	683.038.686	-	637.255.268	(827.339.423)	492.954.531	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.859.959	-	407.798.710	(95.358.880)	347.299.789	-
- Thuế thu nhập cá nhân	91.503.087	-	5.465.000	(93.045.087)	3.923.000	-
- Thuế nhà đất, thuê đất	-	-	23.188.000	(23.188.000)	-	-
- Thuế khác	879.461	-	-	(879.461)	-	-
Cộng	810.281.193	-	1.073.706.978	(1.039.810.851)	844.177.320	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Từ tháng 02 đến tháng 06 năm 2015	Từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 01 năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.852.699.925	7.389.514.030
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	169.209.788
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	2.267.822
Thu nhập chịu thuế	1.852.699.925	7.556.455.996
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	1.852.699.925	7.556.455.996
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	407.798.710	1.662.420.319
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	407.798.710	1.662.420.319

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Phải trả người lao động

Quý lương của Công ty được thực hiện trích theo Quyết định số 12/QĐ-CTĐT ngày 16/03/2015. Theo đó, quỹ tiền lương Công ty được hình thành từ chi phí nhân công, chi phí nhân công trong ca máy, chi phí chung trong các hồ sơ quyết toán khối lượng hoàn thành các mảng dịch vụ công ích và các công trình xây dựng cơ bản được chủ đầu tư phê duyệt và chấp thuận thanh toán.

9. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác*Phải trả ngắn hạn khác*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	129.407.869	6.719.165
- Kinh phí công đoàn	30.705.230	9.952.560
- Phí bảo vệ môi trường	831.522.477	731.387.391
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	49.633.500
Cộng	<u>991.635.576</u>	<u>797.692.616</u>

10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.642.104.557	17.445.000	(1.664.746.017)	994.803.540
Cộng	<u>2.642.104.557</u>	<u>17.445.000</u>	<u>(1.664.746.017)</u>	<u>994.803.540</u>

11. Vốn chủ sở hữu**11a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

11b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Vốn cổ phần thường</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Vốn cổ phần thường</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
- Đại diện vốn góp của Nhà nước	26.897.000.000	74,71	26.897.000.000	74,71
- Vốn góp của cán bộ CNV	3.066.000.000	8,52	3.066.000.000	8,52
- Vốn góp của các đối tượng khác	6.037.000.000	16,77	6.037.000.000	16,77
Cộng	<u>36.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>36.000.000.000</u>	<u>100</u>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	<u>Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u>	<u>Vốn điều lệ đã góp</u>	<u>Vốn điều lệ còn phải góp</u>
	36.000.000.000	36.000.000.000	-
Cộng	<u>36.000.000.000</u>	<u>36.000.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ tháng 02 đến tháng 06 năm 2015</u>	<u>Từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 01 năm 2015</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	36.000.000.000	35.441.036.822
Vốn góp tăng trong kỳ	-	558.963.178-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

11d. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Tổng doanh thu**

	<u>Từ tháng 02 đến tháng 06 năm 2015</u>	<u>Từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 01 năm 2015</u>
- Doanh thu các công trình	4.336.011.273	18.091.636.056
+Doanh thu công trình XD CB	4.164.043.182	8.306.877.720
+Doanh thu công trình chiếu sáng	139.883.818	9.245.060.154
+Doanh thu công trình cây xanh	32.084.273	539.698.182
- Doanh thu dịch vụ công ích	17.352.950.785	46.945.341.819
+Doanh thu dịch vụ công ích CSCC	1.496.096.800	3.273.748.400
+Doanh thu dịch vụ công ích CVCX	6.875.138.905	15.873.479.600
+Doanh thu duy tu cầu đường	1.163.108.000	5.586.070.727
+Doanh thu dịch vụ công ích VSĐT	7.818.607.080	22.212.043.092
- Doanh thu khác	49.363.637	194.218.181
Cộng	<u>21.738.325.695</u>	<u>65.231.196.056</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ tháng 02 đến tháng 06 năm 2015</u>	<u>Từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 01 năm 2015</u>
- Giá vốn của các công trình	4.298.969.862	15.840.839.718
+Giá vốn công trình XD CB	4.174.273.249	7.778.688.272
+Giá vốn công trình chiếu sáng	100.631.482	7.617.179.483
+Giá vốn công trình cây xanh	24.065.131	444.971.963
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.856.106.812	37.408.340.830
+Giá vốn dịch vụ công ích CSCC	1.298.204.242	2.828.310.851
+Giá vốn dịch vụ công ích CVCX	5.872.905.651	11.551.952.846
+Giá vốn dịch vụ duy tu cầu đường	1.047.554.408	4.399.766.176
+Giá vốn dịch vụ công ích VSĐT	5.637.442.511	18.628.310.957
- Giá vốn các hoạt động khác	89.443.918	270.840.990
Cộng	<u>18.244.520.592</u>	<u>53.520.021.538</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ tháng 02 đến tháng 06 năm 2015	Từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 01 năm 2015
Chi phí cho nhân viên	1.004.888.722	3.126.788.038
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.643.512	182.620.429
Thuế, phí và lệ phí	23.188.000	33.223.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.110.055	83.985.616
Các chi phí khác	539.001.279	1.317.301.220
Cộng	1.722.831.568	4.743.918.843

5. Thu nhập khác

	Từ tháng 02 đến tháng 06 năm 2015	Từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 01 năm 2015
- Thu nhập từ bán thùng rác	74.978.182	212.560.000
- Thu nhập khác	57.221.546	815.948.476
Cộng	132.199.728	1.028.508.416

6. Chi phí khác

	Từ tháng 02 đến tháng 06 năm 2015	Từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 01 năm 2015
- Chi phí giá vốn thùng rác	52.320.000	158.768.455
- Chi phí khác	7.704.709	467.117.408
Cộng	60.024.709	625.885.863

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ tháng 02 đến tháng 06 năm 2015	Từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 01 năm 2015
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	918.097.608	23.613.727.724
- Chi phí nhân công	3.287.832.865	17.319.025.860
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	724.270.862	1.408.219.550
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	169.409.287	516.699.936
- Chi phí khác	3.116.126.090	10.662.348.468
Cộng	8.215.736.712	53.520.021.538

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Số tiền
Lương	285.307.493
Thưởng	34.923.000
Thù lao	-
Khác	4.024.598
Cộng	324.255.091

2. Báo cáo bộ phận

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Từ tháng 02 đến tháng 06 năm 2015

Chỉ tiêu	Công trình	Dịch vụ công ích	Khác	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.336.011.273	17.352.950.785	49.363.637	21.738.325.695
Giá vốn hàng bán	4.298.969.862	13.856.106.812	89.443.918	18.244.520.592
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.041.411	3.496.843.973	(40.080.281)	3.493.805.103
Tỷ lệ lãi gộp	0,85%	20,15%	(81,19%)	16,07%

Từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 01 năm 2015

Chỉ tiêu	Công trình	Dịch vụ công ích	Khác	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.091.636.056	46.945.341.819	194.218.181	65.231.196.056
Giá vốn hàng bán	15.840.839.718	37.410.608.652	268.573.168	53.520.021.538
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.250.796.338	9.534.823.167	(74.354.987)	11.711.174.518
Tỷ lệ lãi gộp	12%	20%	(38%)	18%

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Số liệu trước		Số liệu sau điều chỉnh	
	Mã số	điều chỉnh		
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Bảng cân đối kế toán				
- Phải thu ngắn hạn khác	136	-	409.008.687	409.008.687
- Tài sản ngắn hạn khác	155	409.008.687	(409.008.687)	-

3c. Vấn đề so sánh khác

Số liệu "Tháng 01 năm 2014 đến tháng 01 năm 2015" là số liệu của 13 tháng nên không có tính so sánh với số liệu "Tháng 02 đến tháng 06 năm 2015" (5 tháng) trên Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ.

4. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 15 tháng 07 năm 2015, Công ty thực hiện thay đổi Giấy đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần thứ 03, về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre.

Bến Tre, ngày 27 tháng 08 năm 2015.

Người lập biểu

Lê Thị Ngọc Lan

Q. Kế toán trưởng

Trần Thị Vân Nghi

Tổng Giám đốc



Ngô Trung Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
1. Số dư đầu năm trước	35.441.036.822	-	-	-	35.441.036.822
2. Tăng trong năm trước	558.963.178	-	2.218.800.685	-	2.777.763.863
- Lợi nhuận tăng		-	2.218.800.685	-	2.218.800.685
- Tăng khác (góp vốn bổ sung)	558.963.178	-	-	-	558.963.178
- Bỏ sung từ lợi nhuận		-	-	-	-
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-
- Thù lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	36.000.000.000	-	2.218.800.685	-	38.218.800.685
5. Tăng trong kỳ này	-	-	-	1.444.901.215	1.444.901.215
- Lãi trong kỳ	-	-	-	1.444.901.215	1.444.901.215
- Bỏ sung từ lợi nhuận	-	-	-	-	-
6. Giảm trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-
- Thù lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	-	-
7. Số dư cuối kỳ này	36.000.000.000	-	2.218.800.685	1.444.901.215	39.663.701.900

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

Người lập biểu



Lê Thị Ngọc Lan

Q. Kế toán trưởng



Trần Thị Vân Nghi



Ngô Trung Kiên